TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **323**/2022/HS-ST.
Ngày: 29/7/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.
Ông Nguyễn Minh Hiếu - Bí thư thành đoàn H.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 596/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số: 183/2022/HSST- QĐ ngày 09/3/2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Phạm Trọng B** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/8/2005; tại Th; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Bào, xã Th2, huyện Th1, tỉnh Th. Tạm trú: khu phố Chiêu Liêu, phường T, thành phố A, tỉnh D; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông: Phạm Trọng H1, sinh năm 1979 (còn sống); và bà: Hoàng Thị T1, sinh năm 1982 (còn sống); Bị cáo là con đầu trong gia đình bị cáo có 02 anh em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/6/2021 đến ngày 14/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có đơn xét xử vắng mặt)

2/Họ và tên: **Nguyễn Ngọc S**, sinh ngày 07/02/2005; tại: thành phố H2.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Tiến, xã H3, thành phố H2. Tạm trú: khu phố Đông B, phường Đông Hoà, thành phố A, tỉnh D; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981 (còn sống) và bà Đoàn Thị H3, sinh năm 1984 (còn sống); Bị cáo là con đầu gia đình có 02 anh em và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/6/2021 đến ngày 14/6/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số: 51/QĐTN-ĐT ngày 10/6/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H.

2/ Bị hại: Anh **Nguyễn Ngọc B1,** sinh năn 2001;

Địa chỉ: 519 Huỳnh Văn Nghệ, khu phố 3, phường L, thành phố H, tỉnh Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Người đại diện cho bị cáo Phạm Trọng B: Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1982, ông Phạm Trọng H1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: khu phố Chiêu Liêu, phường T, thành phố A, tỉnh D. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Người đại diện cho bị cáo Nguyễn Ngọc S: Bà Đoàn Thị H3, sinh năm 1984, ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981;

Địa chỉ: khu phố Đông B, phường Đông Hoà, thành phố A, tỉnh D. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5/ Người bào chữa cho bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S: Ông Nguyễn Doãn Nh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/6/2021, Phạm Trọng B điều khiển xe mô tô biển số 61C1-566.01 chở Nguyễn Ngọc S đi từ thành phố A, tỉnh D đến khu du lịch L thuộc phường L, thành phố H, tỉnh Đ dạo chơi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày B và S quay về thành phố A. Khi đi đến trước Trường Đại học Lạc Hồng, đường Huỳnh Văn Nghệ, khu phố 4, phường L, thành phố H, B phát hiện anh Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 2001, ngụ tại khu phố 3, phường L đang điều khiển xe mô tô phía trước, tay trái cầm điện thoại để nói chuyện. Thấy vậy B rủ S cướp giật điện thoại của anh B1 thì S đồng ý. B liền điều khiển xe chạy lên phía bên trái song song với xe của anh B1 để S ngồi sau dùng tay giật lấy chiếc điện thoại Samsung Galaxy A70 của anh B1 rồi B điều khiển xe tăng ga bỏ chạy. Anh B1 truy hô và đuổi theo đến đoạn đường trước Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố H thì anh B1 cùng với người dân bắt giữ được B và S cùng tang vật giao cho Công an phường T2 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển hồ sơ đến Công an thành phố H xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01(Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A70, số Imei: 355915101699791 là tài sản của anh Nguyễn Ngọc B1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho anh B1.

- Xe mô tô biển số 61C1-566.01, hiệu Yamaha Sirius, số máy 152808, số khung 152813, là tài sản của anh Nguyễn Văn M (Cha bị cáo S). Anh M không biết S sử dụng xe trên vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại xe cho anh M.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 269/KL-HĐĐGTS, ngày 10/6/2021, của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A70 có giá 3.894.000 đồng (Ba triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng)

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc B1 không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số: 602/CT/VKSBH ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đ đã truy tố bị các bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S ra trước Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Đ để xét xử về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày lời luận tội và tranh luận đã nêu: Các bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S đã có hành vi cướp giật chiếc điện thoại Sam sung Galaxy A70 của anh Nguyễn Ngọc B1 có giá trị 3.894.000 đồng (Ba triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo B có vai trò là người khởi xướng, đồng thời là người trực tiếp điều khiển xe mô tô chạy áp sát bị hại để cho bị cáo S giật điện thoại của bị hại nên cần xử lý nghiêm các bị cáo bằng một mức án thật nghiêm và tương xứng với từng bị cáo. Trong vụ án này cả hai bị cáo là người phạm tội dưới 18 tuổi nên áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên trong quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xét xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình. Do đó giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố các bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S phạm tội "Cướp giật tài sản" và xử phạt bị cáo Phạm Trọng B mức án từ 18 (mười tám) đến 20 (hai mươi) tháng tù. Bị cáo Nguyễn Ngọc S mức án từ 20 (hai mươi) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A70, số Imei: 355915101699791 là tài sản của anh Nguyễn Ngọc B1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho anh B1.

Xe mô tô biển số 61C1-566.01, hiệu Yamaha Sirius, số máy 152808, số khung 152813, là tài sản của anh Nguyễn Văn M (Cha bị cáo S). Anh M không biết S sử dụng xe trên vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại xe cho anh M.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Ngọc B1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên người bào chữa cho không tranh luận gì về tội danh. Khi lượng hình đối với bị cáo, xét thấy quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ làm công nhân thu nhập thấp, các bị cáo nghỉ học giữa chừng nên khả năng hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Hành vi của các bị cáo là hành vi bộc phát, nhất thời, người bị hại không bị té ngã và thương tích gì, tài sản đã giao trả cho người bị hại. Từ những tình tiết giảm nhẹ trên người bào chữa cho các bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

Các bị cáo vắng mặt tại phiên toà nên không có lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo và người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, luật sự bào chữa cho bị cáo không có có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S cho thấy các bị cáo đã có hành vi nhanh chóng chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác một cách công khai rồi tẩu thoát cụ thể như sau : Khoảng 13 giờ ngày 05/6/2021, tại đoạn đường Huỳnh Văn Nghệ, trước Trường Đại học Lạc Hồng thuộc khu phố 4, phường L, thành phố H, bị cáo Phạm Trọng B và Nguyễn Ngọc S đã có hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A70 của anh Nguyễn Ngọc B1 rồi bỏ chạy thì bị người bị hại truy hô đuổi theo cùng quần chúng nhân dân thì bị bắt. Do đó các bị cáo đã phạm tội "Cướp giật tài sản" tội phạm và hình phạt theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét lời khai nhận tội của hai bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, định giá tài sản... nên đã đủ căn cứ buộc tội hai bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, táo bạo, liều lĩnh, dùng thủ đoạn nguy hiểm, xem thường pháp luật, đã lợi dụng sơ hở của người khác dùng xe mô tô áp sát người bị hại để giật tài sản một cách công khai ngay trên đường phố giữa

ban ngày là không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn có thể ảnh hưởng đến tính mạng, sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích có tiền để thoả mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Trong vụ án này chỉ là đồng phạm giản đơn, sự cấu kết thực hiện phạm tội không chặt chẽ nên không được coi là "có tổ chức" nhưng do bị cáo B có vai trò là người khởi xướng, rủ rê, đồng thời là người trực tiếp điều khiển xe mô tô chạy áp sát bị hại để cho bị cáo S giật điện thoại của bị hại, như vừa nêu trên nên mức án áp dụng với các bị cáo phải tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Trong vụ án này cả hai bị cáo người dưới 18 tuổi phạm tội do đó cần áp dụng Điều 12, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự để tuyên một mức án phù hợp với các bị cáo. Quá trình xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc S bỏ trốn chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật do đó phải có một mức án nghiêm mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo chấp hành pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại đơn xét xử vắng mặt các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự các bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A70, số Imei: 355915101699791 là tài sản của anh Nguyễn Ngọc B1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho anh B1 là phù hợp.

- Xe mô tô biển số 61C1-566.01, hiệu Yamaha Sirius, số máy 152808, số khung 152813, là tài sản của anh Nguyễn Văn M (Cha bị cáo S). Anh M không biết S sử dụng xe trên vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại xe cho anh M là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Ngọc B1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về vấn đề khác: Sau khi Toà án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà xét xử ngày 09/3/2022 thì bị cáo Nguyễn Ngọc S bỏ trốn. Ngày 10/6/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H ra Quyết định truy nã số 51/QĐTN-ĐT. Ngày 05/7/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H ban hành thông báo về việc truy nã bị cáo số: 7859/TB- ĐTTH. Căn cứ vào thông tư số:13/2012/TTLT-BCA- BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 09/12/2012 Toà án xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Ngọc S.

[10] Về án phí: Các bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và mức án bị cáo Phạm Trọng B phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Mức án của bị cáo Nguyễn Ngọc S không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận

- Đối với phần trình bày của người bào chữa cho các bị cáo phù hợp một phần quan điểm Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về tội danh*: Tuyên bố các bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. *Về điều luật áp dụng và xử phạt*:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 12, Điều 91, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Phạm Trọng B: 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2021 đến ngày 14/6/2021);

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 12, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc S: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2021 đến ngày 14/6/2021)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ Luật Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S, bị hại, đại diện hợp pháp của các bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Người bào chữa cho bị cáo Phạm Trọng B, Nguyễn Ngọc S có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. H (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP. H (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (2);
- Bị hại (1);
- Người bào chữa (1);
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo (2);
- Lưu hồ sơ vụ án -VP (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh